
**ĐÁP ÁN
BỘ THAM KHẢO
GIỮA HỌC KỲ 1**

6

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP THỦ ĐỨC
BỘ MÔN TOÁN



LƯU HÀNH NỘI BỘ

I: TRẮC NGHIỆM (3,0đ)

Mỗi phương án đúng ghi 0,25đ.

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10	Câu 11	Câu 12
C	B	A	A	B	C	C	B	D	B	B	D

II: TỰ LUẬN (7,0đ)

	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (2,0 điểm)	a) $A = \{11; 12; 13; 14\}$ $A = \{x \in \mathbb{N} 10 < x < 15\}$ b) $12 : 2; 14 : 2; 16 : 2$ để A chia hết cho hai thì $x : 2$ Nên x là số tự nhiên chẵn hay $x \in \{0; 2; 4; 6; 8; \dots\}$	0,75 0,75 0,25 0,25
Bài 2 (1,5 điểm)	a) $40.35 + 36.35 + 24.35$ $= 35.(40 + 36 + 24)$ $= 35.100$ $= 3500$ b) $3^3 - 4^5 : 4^3 + 2$ $= 27 - 4^2 + 2$ $= 27 - 16 + 2$ $= 13$	0,75 0,75
Bài 3 (1,5 điểm)	a) $x + 22 = 82$ $x = 82 - 22$ $x = 60$ b)	0,75 0,75

	$51 - (x + 15) = 6$ $x + 15 = 51 - 6$ $x + 15 = 45$ $x = 45 - 15$ $x = 30$	
Bài 4 (1,0 điểm)	a) Các cạnh: AB, BC, CD, DA Các góc: góc A, góc B, góc C, góc D Các đường chéo: AC và BD	0,25 0,25 0,25
Bài 5 (1,0 điểm)	3 tuần = 3.7 ngày = 21 ngày Số tiền bạn Bình tiết kiệm được là: $4000.21 = 84000$ (đồng) Giá tiền quyển sách bạn Bình mua là: $84000 - 2000 = 82000$ (đồng)	0,25 0,5 0,25

----- HẾT -----

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1.	C	4.	C	7.	D	10.	C
2.	D	5.	D	8.	B	11.	A
3.	D	6.	B	9.	B	12.	A

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (3,5 điểm)	a) $27.36 + 27.64 = 27.(36 + 64)$ $= 27.100$ $= 2700$	0,75 điểm
	b) $12.7 - 7.5 + 23.7 = 7.(12 - 5 + 23)$ $= 7.30$ $= 210$	0,75 điểm
	c) $(3.7^2 - 2^3 + 17):2^2 = (3.49 - 8 + 17):4$ $= (147 - 8 + 17):4$ $= 39$	1,0 điểm
	$6^2.10:\{780[10^3 - (2.5^3 + 35.14)]\}$ $= 36.10:\{780[1000 - (2.125 + 490)]\}$ $= \dots = 120$	1,0 điểm
Bài 2 (2,0 điểm)		
	a) Em hãy cho biết hình ABCD là hình chữ nhật. Hình ABCD có 2 đường chéo. Đường chéo của hình ABCD tên là AC và BD.	0,5 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm
	b) Em hãy cho biết hình EFGH là hình thang cân. Hình EFGH có 2 đường chéo. Đường chéo của hình EFGH là EG và FH.	0,5 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm
Bài 3 (1,0 điểm)		
	Số tiền Nam để dành được sau 30 ngày là: $5\,000.30 = 150\,000$ (đồng). Nam đã đủ tiền mua món đồ đó vì $150\,000 > 120\,000$.	0,5 điểm 0,5 điểm
Bài 4 (0,5 điểm)	Độ dài 5 khung thép là $[(60+160).2+50.8].5 = 4200$ cm	0,5 điểm

----- HẾT -----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS LƯƠNG ĐỊNH CỬ

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ THAM KHẢO
KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN TOÁN 6
Năm học: 2024-2025

I. TRẮC NGHIỆM:

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	C	B	A	D	D	A	B	C	C	B	A

II. TỰ LUẬN:

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (1,0 điểm)	a) $85.75 + 85.50 - 85.25$ $= 85. (75 + 50 - 25) = 85.100 = 8500$	0,5
	b) $229: 2^{26} + 3.5^2 - 2023^0$ $= 2^3 + 3.5^2 - 2023^0$ $= 8 + 3.25 - 1$ $= 8 + 75 - 1$ $= 83 - 1$ $= 82$	0,5
Bài 2 (1,0 điểm)		
	a) $456 + x = 600$ $x = 600 - 456$ $x = 144$	0,5
	b) $(106 - x) + 716 = 800$ $106 - x = 800 - 716$ $106 - x = 84$ $x = 106 - 84$ $x = 22$	0,5
Bài 3 (1,5 điểm)		
	a) $B = \{0, 1, 2, 3, 4, \dots, 20\}$	0,5
	b) Tìm BCNN (24, 48, 36) PTTSNT (0,25đ) BCNN = ...72 (0,25)	0,5
	c) Tìm tập hợp A là ước của 18 và lớn hơn hoặc	0,5

	bảng 6 $U(18)=\{1,18,2,9,3,6\}$ $A=\{6, 9,18\}$ (HS không kê tập hợp $U(18)$, nhưng viết đúng A có giải thích vẫn tròn điểm)	
Bài 4 (1,0 điểm)	Số phần quà chia được nhiều nhất là UCLN (42, 36) $Mà 42= 2.3.7; 36 = 2^2.3^2$ $Suy ra UCLN (42,36) = 2.3 =6$ Số số phần quà có thể chia được nhiều nhất là 6 phần.	1,0
Bài 5 (1,5 điểm)		
	Diện tích khu vườn: ...= 400m ² (0,5đ) Diện tích đường đi :....=20m ² (0,5đ) Diện tích trồng rau còn lại:....=380m ²	0,5 0,5 0,5
Bài 6 (1,0 điểm)	3 tuần = 3.7 ngày = 21 ngày Số tiền bạn Bình tiết kiệm được là: 4000.21 = 84000 (đồng) Giá tiền quyển sách bạn Bình mua là: 84000 – 2000 = 82000 (đồng)	0,5 0,5

----- HẾT -----

ỦY BAN NHÂN DÂN TP THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS NGUYỄN THỊ ĐỊNH

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
Năm học: 2023 – 2024
Môn: TOÁN 6

ĐỀ 1

A. TRẮC NGHIỆM (3,0 đ)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
4.	C	7.	B	10.	D	13.	C
5.	B	8.	A	11.	C	14.	D
6.	A	9.	B	12.	A	15.	D

B. TỰ LUẬN (7,0 đ)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1. (1,0 điểm)	a) Cách 1: $A = \{11; 12; 13; 14\}$ Cách 2: $A = \{x \in \mathbb{N} 10 < x < 15\}$	0,25 0,25
	b) $U(24) = \{1; 2; 3; 4; 6; 12; 24\}$	0,5
Bài 2. (2,0 điểm)	a) $76.135 + 24.135$ $= 135. (76 + 24)$ $= 135. 100$ $= 13500$	0,25 0,25 0,25
	b) $480 : [75 + (7^5 : 7^3 - 2^3.3) : 5] + 2024^0$ $= 480 : [75 + (7^2 - 8.3) : 5] + 2024^0$ $= 480 : [75 + (49 - 24) : 5] + 1$ $= 480 : [75 + 25 : 5] + 1$ $= 480 : [75 + 5] + 1$ $= 480 : 80 + 1$ $= 6 + 1$ $= 7$	0,25 0,25 0,25
Bài 3. (1,0 điểm)	$105 + (3x - 7) = 320$ $3x - 7 = 320 - 105$ $3x = 222$ $x = 111$	0,5 0,25 0,25

----- HẾT -----

Bài 4. (0,75 điểm))	Số tiền mẹ bạn Hạnh mua dầu, táo và thịt là : $5.19000 + 2.54000 + 2.120000 = 443000 (\text{đ})$	0,5
	Số tiền mẹ bạn Hùng còn lại sau khi đi siêu thị là: $500\,000 - 443\,000 = 57\,000 (\text{đ})$	0,25
Bài 5. (1,25 điểm))	a) Bốn cạnh bằng nhau: $AB = BC = CD = DA$;	0,25
	Bốn góc tại các đỉnh A, B, C, D bằng nhau và đều là góc vuông;	0,25
	Hai đường chéo bằng nhau: $AC = BD$.	0,25
	b) Vẽ hình đúng	0,5
Bài 6. (1,0 điểm))	a) Chu vi mảnh đất hình chữ nhật là:	
	$(4 + 17) \cdot 2$	0,25
	$= 42\text{cm}$	0,25
	b) Diện tích mảnh đất hình chữ nhật là:	0,25
	$4 \cdot 17 = 68 (\text{m}^2)$	0,25

----- HẾT -----

A. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
7.	B	10.	B	13.	D	16.	C
8.	D	11.	B	14.	B	17.	C
9.	B	12.	A	15.	B	18.	D

B. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (3,0 điểm)	$\begin{aligned} a) \quad & 58 + 145 + 42 + 55 \\ &= (58 + 42) + (145 + 55) \\ &= 100 + 200 \\ &= 300 \end{aligned}$	0,25*2 0,25 0,25
	$\begin{aligned} b) \quad & 23.24 + 23.54 + 23.22 \\ &= 23.(24 + 54 + 22) \\ &= 23.100 \\ &= 2300 \end{aligned}$	0,25 0,25*2 0,25
	$\begin{aligned} c) \quad & 250 : \left\{ 45 - \left[120 - (15 - 5)^2 \right] \right\} \\ &= 250 : \left\{ 45 - \left[120 - 10^2 \right] \right\} \\ &= 250 : \left\{ 45 - \left[120 - 100 \right] \right\} \\ &= 250 : \{ 45 - 20 \} \\ &= 250 : 25 \\ &= 10 \end{aligned}$	0,25 0,25 0,25 0,25
Bài 2 (2,0 điểm)		
	$\begin{aligned} a) \quad & x - 16 = 40 \\ & x = 40 + 16 \\ & x = 56 \end{aligned}$	0,5 0,5
	$\begin{aligned} b) \quad & 4x + 13 = 7^2 \\ & 4x + 13 = 49 \\ & 4x = 49 - 13 \\ & 4x = 36 \\ & x = 36 : 4 \\ & x = 9 \end{aligned}$	0,25 0,25 0,25 0,25

Bài 3 (0,75 điểm)		
	$x \in B(12)$ và $20 < x < 70$ $B(12) = \{0; 12; 24; 36; 48; 60; 72; \dots\}$ Mà $20 < x < 70$ $x \in \{24; 36; 48; 60\}$	0,25 0,25 0,25
Bài 4 (0,75 điểm)		
	Số tổ tình nguyện nhiều nhất có thể chia là ước chung lớn nhất của 225 và 180 $UCLN(225, 180) = 45$ Vậy số tổ nhiều nhất có thể chia là 45 tổ.	0,25 0,25 0,25
Bài 5 (0,5 điểm)		
	Ta có $A = 5 + 5^2 + 5^3 + 5^4 + \dots + 5^{100}$ $= (5 + 5^2) + (5^3 + 5^4) + \dots + (5^{99} + 5^{100})$ $= 5 \cdot (1 + 5) + 5^3 \cdot (1 + 5) + \dots + 5^{99} \cdot (1 + 5)$ $= 5 \cdot 6 + 5^3 \cdot 6 + \dots + 5^{99} \cdot 6$ $= 6 \cdot (5 + 5^3 + \dots + 5^{99})$ Vậy A chia hết cho 6	0,25 0,25

Lưu ý: Học sinh làm cách khác đúng vẫn cho đủ số điểm

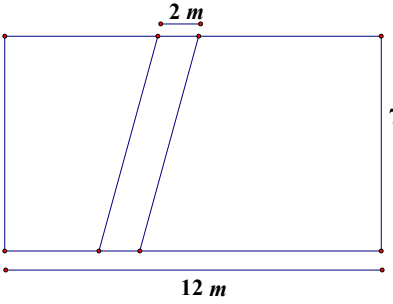
----- HẾT -----

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	C	A	B	B	D	B	B	C	C	D	D

II. TỰ LUẬN:

Bài	Đáp án	Điểm
1	Bài 1. (2,5 điểm) Thực hiện phép tính: a) $358 + 67 - 58 + 533$ b) $35.30 + 35.70$ c) $25 + 75 : (65 - 25^2)$	
1a	$358 + 67 - 58 + 533 = (358 - 58) + (67 + 533) = 300 + 600 = 900$	0,25 x 3
1b	$35.30 + 35.70 = 35.(30 + 70) = 35.100 = 3\ 500$	0,25 x 3
1c	$25 + 75 : (65 - 25^2) = 25 + 75 : (65 - 2.25) = 25 + 75 : (65 - 50) = 25 + 75 : 15 = 25 + 5 = 30$	0,25 x 3 0,25
2	Bài 2. (1,5 điểm) Tìm x: a) $x - 55 = 200$ b) $2.(x + 5) - 17 = 37$	
2a	a) $x - 55 = 200$ $x = 200 + 55$ $x = 255$	0,25 0,25
2b	b) $2.(x + 5) - 17 = 37$ $2.(x + 5) = 37 + 17$ $2.(x + 5) = 54$ $x + 5 = 54 : 2$ $x + 5 = 27$ $x = 27 - 5$ $x = 22$	0,25 0,25 0,25 0,25
3	Bài 3. (0,5 điểm) a) Viết tập hợp các ước của 18 b) Viết tập hợp các bội của 5	
	a) $U(18) = \{1; 2; 3; 6; 9; 18\}$	0,25
	b) $B(5) = \{0; 5; 10; 15; 20; 25; 30; 35; \dots\}$	0,25
4	Bài 4. (1,0 điểm) Phân tích các số sau ra thừa số nguyên tố: 72 và 748.	
4a	72 2 36 2 18 2 9 3	

	$\begin{array}{r} 3 \quad 3 \\ 1 \\ 72 = 2^3 \cdot 3^2 \end{array}$	0,25 0,25
4b	$\begin{array}{r l} 748 & 2 \\ 374 & 2 \\ 187 & 11 \\ 17 & 17 \\ 1 & \\ \hline 748 = 2^2 \cdot 11 \cdot 17 \end{array}$	0,25 0,25
5	Bài 5. (1,5 điểm) Một khu vườn hình chữ nhật có chiều rộng 7 m và chiều dài 12 m. a) Tính chu vi và diện tích của khu vườn. b) Người ta dự định làm một lối đi cho chiều rộng là 2 m và trồng cỏ trên lối đi đó. Biết 1m² cỏ có giá là 320 000 đồng. Tính số tiền để làm lối đi đó.	
5a	Chu vi của khu vườn hình chữ nhật: $2 \cdot (12 + 7) = 38 \text{ (m)}$ Diện tích của khu vườn hình chữ nhật: $7 \cdot 12 = 84 \text{ (m}^2\text{)}$	0,25 0,25
5b	Diện tích lối đi: $7 \cdot 2 = 14 \text{ (m}^2\text{)}$ Số tiền để làm lối đi: $14 \cdot 320\,000 = 4\,480\,000 \text{ (đồng)}$ Vậy số tiền để làm lối đi là 4 480 000 đồng	0,5 0,25 0,25

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
10.	D	13.	B	16.	C	19.	D
11.	A	14.	C	17.	D	20.	C
12.	D	15.	B	18.	B	21.	C

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

BÀI	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (1,5 điểm)	a) $25.31+25.69=25.(31+69)$ $=25.100=2500$	0,25 0,5
	b) $30-6.[10-(7-4)^2]=30-6.[10-3^2]$ $\hookrightarrow 30-6.[10-9]$ $\hookrightarrow 30-6.1=24$	0,25 0,25 0,25
Bài 2 (1,5 điểm)	a) $x-314=758$ $x=758+314$ $x=1072$	0,25 0,25
	b) $3.x+14=29$ $3.x=29-14$ $3.x=15$ $x=15:3$ $x=5$	0,25 0,25 0,25 0,25
Bài 3 (1,0 điểm)	Theo đề bài, ta có: số nhóm chia được nhiều nhất là $UCLN(12;18)$ $12=2^2.3;18=2.3^2$ Suy ra $UCLN(12;18)=2.3=6$	0,25 0,25
	Vậy có thể chia được nhiều nhất 6 nhóm sao cho số nam và nữ mỗi nhóm bằng nhau.	0,25
	Khi đó: Mỗi nhóm có số nam là: $18:6=3(\text{bạn})$ Mỗi nhóm có số nữ là: $12:6=2(\text{bạn})$	0,25
Bài 4 (0,5 điểm)	Ta có: $30:4=7(\text{ dư } 2)$ Không thể xếp cho 30 bạn vào 4 xe taxi sao cho mỗi xe taxi chỉ chở được không quá 7 bạn	0,25 0,25

Bài 5 (1,0 điểm)	a) Hai đường chéo của hình bình hành là: AC, BD.	0,25
	b) Hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường: OA = OC; OB = OD.	0,25
	c) Hai cặp góc đối diện bằng nhau: Góc đỉnh B của hình bình hành ABCD bằng góc đỉnh D.	0,25
	d) Hai cặp cạnh đối diện bằng nhau: AB = CD = 5cm	0,25
Bài 6 (1,5 điểm)	a) Chu vi của cái sân là: $(9+5) \cdot 2 = 28(m)$	0,5
	b) Diện tích của cái sân là: $9 \cdot 5 = 45(m^2)$	0,5
	c) Diện tích 1 viên gạch là: $50 \cdot 50 = 2500(cm^2) = 0,25(m^2)$	0,25
	Bác Năm cần phải sử dụng số viên gạch để lát đủ cái sân là: $45 : 0,25 = 180$ (viên gạch)	0,25

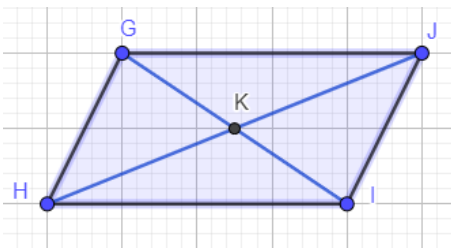
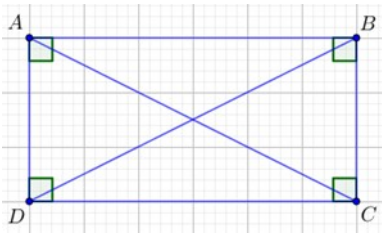
**HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HKI
MÔN TOÁN – KHỐI 6
Năm học: 2024 - 2025**

A. TRẮC NGHIỆM: (3đ)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ.án	B	C	B	C	D	C	D	B	B	B	A	D

B. TỰ LUẬN: (7đ)

Bài	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1a) (1,25đ)	(0,75điểm) Viết các số sau bằng số La Mã: 6; 19; 21 (0,5điểm) Tìm ước của 24.	
a.	$6 = VI ; 19 = XIX ; 21 = XXI$	0,75
b.	{1; 2; 3; 4; 6; 8; 12; 24 }	0,5
Bài 2. (1,25đ)	Thực hiện phép tính: a) $70.42 + 29.42 + 42$ b) $100 - 5 \cdot [(2\cancel{4}\cancel{3} - 5^0) : 7]$	
a.	$70.42 + 29.42 + 42 = 42 \cdot (70 + 29 + 1)$ $\cancel{4} 42.100 = 4200$	0,25 0,25
b.	b) $100 - 5 \cdot [(2\cancel{4}\cancel{3} - 5^0) : 7] = 100 - 5 \cdot [(8 - 1) : 7] = 100 - 5 \cdot [7 : 7]$ $\cancel{4} 100 - 5 \cdot 1 = 95$	0,25 0,25
Bài 3. (1,25đ)	Tìm số tự nhiên x, biết: 35 + x = 68 b) $2x - 15 = 41$	
a.	$35 + x = 68$ $x = 68 - 35$ $x = 33$	0,25 0,25
b.	$2x - 15 = 41$ $2x = 41 + 15$ $2x = 56$ $x = 56 : 2$ $x = 28$	0,25 0,25 0,25
Bài 4. (0,75đ)	Lớp 6A có 40 học sinh. Cứ một ngày mỗi bạn tiết kiệm được 1.500 đồng. Hỏi sau bao nhiêu ngày các bạn lớp 6A có thể mua một chiếc xe đạp tặng bạn nghèo của lớp. Biết giá tiền một chiếc xe đạp là 900.000 đồng.	
	Lớp 6A một ngày tiết kiệm được: $40 \cdot 1500 = 60000$ (đồng) Số ngày các bạn lớp 6A góp đủ tiền mua một chiếc xe đạp: $900000 : 60000 = 15$ (ngày)	0,25 0,25 0,25
Bài 5. (1đ)	Vào tết Trung thu, lớp của Bình đã chuẩn bị các phần quà như nhau từ 90 thanh sô cô la nhỏ và 120 chiếc bánh trung thu để tặng các bạn nhỏ ở một trung tâm trẻ khuyết tật. Hỏi các bạn	

	lớp Bình đã chuẩn bị được nhiều nhất bao nhiêu phần quà và khi đó, mỗi phần quà bao gồm mấy thanh sô cô la và mấy chiếc bánh trung thu?	
	Số phần quà được chia phải là ước của cả 90 và 120. Số phần quà được chia phải là nhiều nhất có thể. Vì vậy, số phần quà được chia là ƯCLN(90, 120) Ta có: ƯCLN(90, 120) = 30 Do đó: Cần chuẩn bị nhiều nhất 30 phần quà - Số thanh sô cô la trong mỗi phần quà là: $90 : 30 = 3$ (thanh) - Số bánh trung thu trong mỗi phần quà là: $120 : 30 = 4$ (chiếc)	0,25 0,25 0,25 0,25
Bài 6. (1đ)	Bài 6. (1đ) a) Quan sát hình bên. Em hãy mô tả về đỉnh, cạnh và đường chéo của hình bình hành GHIJ.  b) Tính chu vi và diện tích của hình chữ nhật ABCD, biết AB = 8cm, BC = 4cm. 	
a.	Hai cặp cạnh đối diện bằng nhau: $GJ = HI$; $GH = JI$ Hai cặp góc đối diện bằng nhau: góc đỉnh G bằng góc đỉnh I, góc đỉnh H bằng góc đỉnh J Hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường: $KG = KI$, $KH = KJ$	0,25 0,25
a. b	Chu vi của hình chữ nhật ABCD là: $(8 + 4).2 = 24$ (cm) Diện tích của hình chữ nhật ABCD là: $8 . 4 = 32$ (cm²)	0,25 0,25
Bài 7. (0,5đ)	Quan sát hình dưới đây. Biết diện tích tam giác BCE có diện tích bằng 15cm ² . Tính diện tích hình thang ABED.	

	Độ dài cạnh CE là: $CE = 15.2 : 6 = 5 (cm)$ $DE = DC + CE = 4 + 5 = 9 (cm)$ Diện tích của hình thang $ABED$ là: $\frac{(4+9) \cdot 6}{2} = 39 (cm^2)$.	0,25 0,25

I. TRẮC NGHIỆM: (2,0 điểm) Mỗi câu đúng 0,25đ

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1.	B	3.	C	5.	A	7.	B
2.	D	4.	A	6.	B	8.	B

II. TỰ LUẬN: (8,0 điểm)

Bài	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (1 điểm)	a) 4; 7	0,5
	b) 0 (Thay không cần giải thích)	0,5
Bài 2 (2,5 điểm)	a) $47.42 + 47.48 + 470$ $= 47.42 + 47.48 + 47.10$ $= 47.(42 + 48 + 10)$ $= 47.100$ $= 4700$	1đ
	b) $141 - 140 : (38 + 2^5) - 26^9 \cdot 26^6 : 26^{15}$ $= 141 - 140 : (38 + 2^5) - 26^{15} : 26^{15}$ $= 141 - 140 : (38 + 32) - 1$ $= 141 - 140 : 70 - 1$ $= 141 - 2 - 1 = 138$	1đ
	c) $(11^{2024} + 11^{2023}) : 11^{2023}$ $= 11^{2024} : 11^{2023} + 11^{2023} : 11^{2023}$ $= 11 + 1 = 12$	0,5đ
Bài 3 (2 điểm)	a) $3x + 7 = 64$ $3x = 64 - 7$ $3x = 57$ $x = 57 : 3$ $x = 19$ b) $167 - 10(x + 2) = 67$ $10(x + 2) = 167 - 67$ $10(x + 2) = 100$ $x + 2 = 100 : 10$ $x + 2 = 10$ $x = 10 - 2$ $x = 8$	Mỗi câu 0,75 đ
	c) $x \in B(3)$ mà $21 \leq x < 27$ nên $x \in \{21; 24\}$	0,5đ
Bài 4 (1 điểm)		
Bài 5 (1 điểm)	Vẽ và mô tả đúng hình.	0,5x2
	Số tiền của 2 chai dầu ăn và 3 chai nước mắm:	

	$2.60\ 000 + 3.56\ 000 = 288\ 000$ (đồng) Số tiền Cô Mai cần trả thêm là: $288\ 000 - 100\ 000 = 188\ 000$ (đồng)	0,5 0,5
Bài 6 (0,5 điểm)	$A = 2 + 2^2 + 2^3 + \dots + 2^{60}$ $= (2 + 2^2) + (2^3 + 2^4) + \dots + (2^{59} + 2^{60})$ $= (2 + 2^2) + 2^2(2 + 2^2) + \dots + 2^{58}(2 + 2^2)$ $= 6 + 2^2 \cdot 6 + \dots + 2^{58} \cdot 6$ $= 6 \cdot (1 + 2^2 + \dots + 2^{58})$ Vậy $A : 6$	0,5

--- HẾT ----

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

1D 2D 3C 4A 5D 6B 7B 8C 9B 10D 11D 12D

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1. Tính hợp lý (nếu có thể)

a) $432 + 519 + 68 + 481$

$= (432 + 68) + (519 + 481)$

$= 500 + 1000$

$= 1500$

(0,25đ x3)

b) $17.81 + 20.17 - 17$

$= 17.(81 + 20 - 1)$

$= 17.100$

$= 1700$

(0,25đ x3)

c) $5.2^2 - 2.3^2 : 3$

$= 5.4 - 2.9 : 3$ (0, 25)

$= 20 - 18 : 3$

$= 20 - 6$

$= 14$ (0, 25)

Bài 2. Tìm số tự nhiên x, biết:

a) $x + 12 = 91$

$x = 91 - 12$

$x = 79$

(0,5x2)

b) $3x - 15 = 51$

$3x = 51 + 15$ (0, 25)

$3x = 66$ (0, 25)

$x = 66 : 3$ (0, 25)

$x = 22$ (0, 25)

c) $5^{x+1} = 625$

$5^{x+1} = 5^4$ (0, 25)

$x + 1 = 4$ (0, 25)

$x = 4 - 1$ (0, 25)

$x = 3$ (0, 25)

Bài 3. Nhân dịp tựu trường, mẹ cho An 100 000 đồng mua dụng cụ học tập. An cần mua 10 quyển vở giá 5 000 đồng/ 1 quyển, 5 cây bút bi giá 7000 đồng/ 1 cây và 3 cây bút chì giá 4 000 đồng/ cây. Hỏi sau khi An mua xong thì còn thừa (hay thiếu) bao nhiêu tiền?

Giải: Tổng số tiền An đã mua là:

$10.5000 + 5.7000 + 3.4000 = 97\ 000$ (đồng) **(0,5đ)**

Vậy An còn thừa **(02,5đ)**, số tiền thừa là: $100\ 000 - 97\ 000 = 3\ 000$ (đồng) **(0,25đ)**

Học sinh tính nhiều lời giải, nhưng ra tổng số tiền sai thì nếu đúng 2/3 loại tiền (vở, bút bi, bút chì) cho 0,25đ

Bài 4. Em hãy sử dụng thước thẳng và compa vẽ một tam giác đều có cạnh là 5 cm.

Vẽ đúng tam giác đều: 0,75đ

Có đặt đúng tên tam giác: 0,25đ

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
13.	C	16.	D	19.	B	22.	B
14.	B	17.	A	20.	C	23.	D
15.	C	18.	C	21.	A	24.	C

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (2,0 điểm)	a) VI; XXIV.	0,5
	b) Vì $46 : 2; 78 : 2; 140 : 2$ nên $(46 + 78 + 140) : 2$	0,5
	c) $3.36 + 4^3.3 - 100$ $= 3(36 + 4^3) - 100$ $= 3(36 + 64) - 100$ $= 3.100 - 100$ $= 300 - 100 = 200$	0,25x4
Bài 2 (2,0 điểm)	a) $14 + x = 36$ $x = 36 - 14$ $x = 25$	0,5 0,5
	b) $B(3) = \{0; 3; 6; 9; 12; 15; 18; 21; \dots\}$ và $12 \leq x < 20$ Suy ra $x \in \{12; 15; 18\}$	0,5 0,25 0,25
Bài 3 (1,0 điểm)	Mẹ Lan mua hết tổng số tiền là: $2.26\ 500 + 10.25\ 000 + 2.32\ 000 = 367\ 000$ (đồng) Mẹ Lan còn lại số tiền là: $500\ 000 - 367\ 000 = 133\ 000$ (đồng)	0,5 0,5
Bài 4 (1,0 điểm)	Chu vi mảnh đất là: $4.12 = 48$ (m) Số tiền làm tường rào là: $48. 1\ 000\ 000 = 48\ 000\ 000$ (đồng)	0,5 0,5
Bài 5 (1,0 điểm)	Tổng diện tích bức tường cần sơn là: $5.5 + 3.4 = 25 + 12 = 37$ (m ²)	1,0

----- HẾT -----

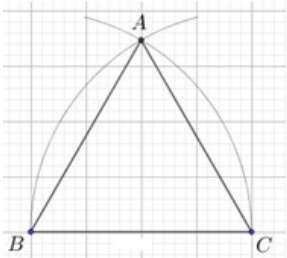
UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG BÌNH THẠ

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HK1
MÔN TOÁN 6
Năm học: 2024 - 2025

A. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
16.	C	19.	B	22.	C
17.	D	20.	B	23.	A
18.	B	21.	D		

B. TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (1,5đ)	a) $14 = XIV; 21 = XXI; 18 = XVIII$ b) Các bội nhỏ hơn 20 của số 9 là: 0;9;18	0,75 0,75
Bài 2 (2,0đ)	a) $55.15 + 84.55 + 55 = 55.(15 + 84 + 1)$ $= 55.100 = 5500$ b) $2^3.5 + 3^{19} : 3^{17} - 2022^0 = 8.5 + 3^2 - 1$ $= 40 + 9 - 1 = 48$	0,5 0,5 0,5 0,5
Bài 3 (1,0đ)	Số tiền mà bạn An tiết kiệm được sau hai tuần là: $12\ 000 .8.7 = 672\ 000$ (đ) Giá máy tính bạn An mua là: $672\ 000 - 8\ 000 = 664\ 000$ (đ)	0,5 0,5
Bài 4 (1,5đ)	a) Hai cặp cạnh đối AB và CD, AD và BC song song và bằng nhau. Bốn góc tại các đỉnh A, B, C, D bằng nhau và đều là góc vuông. Hai đường chéo bằng nhau: $AC = BD$. b) Vẽ tam giác đều ABC: 	0,25 0,25 0,25 0,75
Bài 5 (1,0đ)		

	Số phần quà cần tìm là ƯCLN(120, 200, 50). $120 = 2^3 \cdot 3 \cdot 5$ $200 = 2^3 \cdot 5^2$ $50 = 2 \cdot 5^2$ $\text{ƯCLN}(120, 200, 50) = 2 \cdot 5 = 10$ Vậy bạn Minh có thể chia được nhiều nhất là 10 phần quà	0,25 0,25 0,25 0,25
Bài 6 (1,0đ)	a) Chu vi sân trường là: $(50+30) \cdot 2 = 160$ (m) b) Diện tích các bồn hoa là: $8 \cdot 2 \cdot 2 = 32$ (m^2) Diện tích phần sân chơi là: $50 \cdot 30 - 32 = 1468$ (m^2).	0,5 0,5

----- HẾT -----

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
19.	D	22.	D	24.	B	25.	A
20.	B	23.	C	25.	C	26.	C
21.	A	24.	C	26.	D	27.	B

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (1,5 điểm)	$137.75 - 75.37 - 500$ $= 75.(137 - 37) - 500$ $= 75. 100 - 500$ $= 7500 - 500$ a) $= 7000$	0,25 0,25 0,25
	$189 - (46 - 2.3^2) : 7 + 40 - 4^2$ $= 189 - (46 - 18) : 7 + 40 - 16$ $= 189 - 28 : 7 + 40 - 16$ $= 189 - 4 + 40 - 16$ b) $= 209$	0,25 0,25 0,25
Bài 2 (1,5 điểm)	$4x + 17 = 25$ $4x = 25 - 17$ $4x = 8$ $x = 8 : 4$ a) $x = 2$	0,25 0,25 0,25
	$404 - 5(x - 17) = 7^{28} : 7^{26}$ $404 - 5(x - 17) = 49$ $5(x - 17) = 404 - 49$ $5(x - 17) = 355$ $x - 17 = 355 : 5$ $x - 17 = 71$ $x = 71 + 17$ b) $x = 88$	0,25 0,25 0,25
Bài 3 (0,75đ)	$AB = BC = CD = 5cm$	0,75
Bài 4 (1,0đ)	Số lượng túi quà nhiều nhất mà các bạn lớp Hoa có thể chia là ƯCLN (171,63) $171 = 3^2.19$ $63 = 3^2.7$	

	$ƯCLN(171, 63) = 3^2 = 9$ Số túi quà có thể chia được nhiều nhất là 9 túi. Khi đó, mỗi túi quà có: $171 : 9 = 19$ (bút bi) $63 : 9 = 7$ (bút chì)	
Bài 5 (1,0đ)	a) Diện tích khu vườn nhà bác Toàn là: $100.80 = 8000(m^2)$ b) Số mét dây kẽm gai bác Toàn cần mua là: $(100 + 80).2 = 360(m)$	0,5 0,5
Bài 6 (0,75đ)	$5 + 5^2 + 5^3 + \dots + 5^{10}$ $= 5 + 5^2 + 5^3 + 5^4 + \dots + 5^9 + 5^{10}$ $= (5 + 5^2) + (5^3 + 5^4) + \dots + (5^9 + 5^{10})$ $= (5 + 5.5) + (5^3 + 5^3.5) + \dots + (5^9 + 5^9.5)$ $= 5.(1 + 5) + 5^3.(1 + 5) + \dots + 5^9.(1 + 5)$ $= 5.6 + 5^3.6 + \dots + 5^9.6$ $= 6.(5 + 5^3 + \dots + 5^9)$ Vì $6.(5 + 5^3 + \dots + 5^9) : 6$ nên $(5 + 5^2 + 5^3 + \dots + 5^{10}) : 6$	0,25 0,25 0,25

----- HẾT -----

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM
(mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	B	B	C	B	D

PHẦN II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1:
(1 điểm)

a/ $2.6^2 - 46$

$= 2 \cdot 36 - 46$

$= 72 - 46$

$= 26$

0,25

0,25

b/ $250 - \{3 \cdot [52 - (20 - 3^2 \cdot 2)]\}$

$= 250 - \{3 \cdot [52 - (20 - 9 \cdot 2)]\}$

$= 250 - \{3 \cdot [52 - (20 - 18)]\}$

$= 250 - \{3 \cdot [52 - 2]\}$

$= 250 - \{3 \cdot 50\}$

$= 250 - 150$

$= 100$

0,25

0,25

Bài 2:
(1,5
điểm)

a/ $x - 34 = 64$

$x = 64 + 34$

$x = 98$

0,25

0,25

B./

$24 \cdot (16 - x) = 12^7 : 12^5$

$24 \cdot (16 - x) = 12^2$

$24 \cdot (16 - x) = 144$

$(16 - x) = 6$

$x = 10$

0,25

0,25

c/ $2^{x+3} - 2^x = 224$

$2^x = 32$

0,25

	$x = 5$	0,25
Bài 3: (1,5 điểm)	Số tiền mua 9 quyển vở là : $6\,500 * 9 = 58\,500$ đồng	0,25
	Số tiền mua hai cục tẩy là : $5\,000 * 2 = 10\,000$ đồng	0,25
	Số tiền mua 5 cây bút bi là : $91\,000 - (58\,500 + 10\,000)$	0,25
	$= 22\,500$ đồng Giá tiền 1 cây bút bi là : $22\,500 : 5 = 4\,500$ đồng	0,5+0,25
Bài 4: (1 điểm)	a) $\diamond A = \{\text{bún bò huế; mì quảng; bún chả cua}\}$	0,5
	b) $\diamond B = \{\text{bún bò huế; bánh canh nam phồ; bún thịt nướng}\}$	0,5
Bài 5 a) (2 điểmb)	Diện tích khu vườn là: $10.5 = 50 (m^2)$	0,5
	20 dm = 2m	
	Diện tích bồn hoa: $2.2 = 4 (m^2)$	
	Diện tích lát đá hoa cương là :	0,5
	$50 - 4 = 46 (m^2)$	
	Vậy số tiền lát đá khu vườn là:	0,5
	$46.430\,000 = 19\,780\,000$ (đồng).	
		0,5

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS LONG BÌNH**

**HƯỚNG DẪN CHẤM THAM KHẢO
GIỮA HỌC KÌ I
NĂM HỌC: 2024-2025**

A. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

1A, 2D, 3D, 4B, 5D, 6D, 7C, 8A, 9A, 10D, 11B, 12A (Mỗi ý đúng 0,25 điểm)

B. TỰ LUẬN (7 điểm)

BÀI	HƯỚNG DẪN CHẤM	ĐIỂM
Bài 1: (1,5 điểm)	a) $561 - 167 + 101 = 495$	0,75 đ
	a) $142 - [3.11 + (18 - 15)^2]$ $= 142 - (3.11 + 3^2)$ $= 73 - (3.11 + 9)$ $= 73 - (33 + 9)$ $= 73 - 42 = 31$	0,75 đ
Bài 2: (1,25 điểm)	a) $x + 19 = 82$ $x = 82 - 19$ $x = 63$	a) 0,75 đ
	a) $5x + 17 = 3^9 : 3^6$ $5x + 17 = 3^3$ $5x + 17 = 27$ $5x = 27 - 17$ $5x = 10$ $x = 10 : 5$ $x = 2$	b) 0,5 đ
Bài 3: (0,5 điểm)	$12 = 2^2 \cdot 3$; $18 = 2 \cdot 3^2$ $ƯCLN(12, 18) = 2 \cdot 3 = 6$ $ƯC(12, 18) = Ư(6) = \{1; 2; 3; 6\}$	0,25 đ x 2
Bài 4: (1 điểm)	Gọi a là số học sinh khối 6 của trường đó. ($a \in \mathbb{N}^*$) $a \in BC(15; 18)$ và $450 \leq a \leq 500$ $15 = 3 \cdot 5$ $18 = 2 \cdot 3^2$ $BCNN(15; 18) = 2 \cdot 3^2 \cdot 5 = 90$ $a \in B(90) = \{0; 90; 180; 270; 360; 450; 540; 630; \dots\}$ Vì $600 \leq a \leq 650$ nên $a = 630$ Vậy số học sinh khối 6 của trường đó là 630 học sinh.	0.25 đ x 4
Bài 5: (0,75 điểm)	Vẽ đúng hình chữ nhật ABCD có $AB = 4$ cm, $BC = 3$ cm.	0,75 đ
Bài 6: (2 điểm)	a) Hai cặp cạnh đối diện bằng nhau là $AB=DC$, $AD=BC$, 2 đường chéo của hình chữ nhật là AC và DB. b) Diện tích : $36m^2$	a) 0,5 đ x 2 b) 0,5 đ x 2

Học sinh có thể thể trình bày theo cách khác, vẫn cho điểm tuyệt đối.

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
22.	B	25.	A	27.	B	28.	A
23.	D	26.	C	28.	C	29.	D
24.	B	27.	C	29.	C	30.	A

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (1,0 điểm)	a) $U(10) = \{1; 2; 5; 10\}$	0,5
	b) $B = \{0; 5; 10; 15; 20; 25; 30; 35\}$	0,5
Bài 2 (1,0 điểm)		
	a) $17.85 + 14.17 + 17$ $= 17.(85 + 14 + 1)$ $= 17.100$ $= 1700$	0,25 0,25
	b) $5 \cdot \{4^2 - [3 \cdot (5 + 2.5) + 15] : 15\}$ $= 5 \cdot \{16 - [3 \cdot (5 + 10) + 15] : 15\}$ $= 5 \cdot \{16 - [3.15 + 15] : 15\}$ $= 5 \cdot [16 - (45 + 15) : 15]$ $= 5 \cdot (16 - 60 : 15)$ $= 5 \cdot (16 - 4)$ $= 5.12 = 60$	0,25 0,25
Bài 3 (1,0 điểm)	a) $x - 25 = 3^2$ $x - 25 = 9$ $x = 9 + 25$ $x = 34$	0,25 0,25

	$b) 2x + 18 = 36$ $2x = 36 - 18$ $2x = 18$ $x = 18 : 2$ $x = 9$	0,25 0,25
	$c) 5 : (x + 1)$ Ta có $(x + 1) \in U(5) = \{1; 5\}$ $x + 1 = 1$ suy ra $x = 0$ $x + 1 = 5$ suy ra $x = 4$ Vậy $x = 0$ hoặc $x = 4$	0,25 0,25
Bài 4 (1,0 điểm)	Các nhóm có số nam và nữ đều nhau nên số nhóm là ước chung của 16 và 20. Vì số nhóm phải chia là nhiều nhất có thể nên số nhóm là UCLN(16;20). Ta có $UCLN(16;20) = 4$. Vậy có thể chia được nhiều nhất thành 4 nhóm có số nam và nữ đều nhau.	0,25 0,25 0,25
Bài 5 (1,0 điểm)	Bốn cạnh bằng nhau: $AB = BC = CD = DA$; Hai cặp cạnh đối AB và CD , AD và BC song song với nhau; Bốn góc tại các đỉnh A, B, C, D bằng nhau và đều là góc vuông; Hai đường chéo bằng nhau: $AC = BD$.	0,25 0,25 0,25 0,25
	a) Diện tích của nền nhà là: $20.4 = 80(m^2) = 8000(dm^2)$	0,75
Bài 6 (1,5 điểm)	b) Diện tích một viên gạch là: $4.4 = 16(dm^2)$ Số viên gạch cần để lát là: $8000 : 16 = 500$ (viên gạch) Số tiền để mua một viên gạch là: $7500000 : 500 = 15000$ (đồng)	0,25 0,25 0,25

Lưu ý: Học sinh làm cách khác nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

<https://www.vnteach.com>

----- HẾT -----

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
25.	A	28.	D	30.	A	31.	B
26.	A	29.	D	31.	A	32.	A
27.	C	30.	A	32.	B	33.	B

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (2,5điểm)	a) $45.24 + 45.76$ $= 45.(24 + 76)$ $= 45.100 = 4500$	
	b) $3.3^2 - 5^6 : 5^4 + (2021 - 2020)^{200}$ $= 3.9 - 5^2 + 1^{200}$ $= 27 - 25 + 1$ $= 3$	
	c) $120 : \left\{ 6 + \left[150 - (68 \cdot 2 - 2^3 \cdot 5) \right] \right\}$ $= 120 : \left\{ 6 + \left[150 - (136 - 40) \right] \right\}$ $= 120 : \left\{ 6 + \left[150 - 96 \right] \right\}$ $= 120 : \left\{ 6 + 54 \right\}$ $= 120 : 60 = 2$	
Bài 2 (1,5điểm)	a) $x - 5 = 3^2$ $x - 5 = 9$ $x = 9 + 5$ $x = 14$	

	$\text{b) } 7x + 3 = 2.(3 + 4^2)$ $7x + 3 = 38$ $7x = 38 - 3$ $7x = 35$ $x = 35 : 7$ $x = 5$	
Bài 3 (1 điểm)	Giá của một chiếc bút chì là $[371\,000 - (30.7500 + 20.2500)] : (2.12) = 4000$ (đồng)	
Bài 4 (1 điểm)	Hình bình hành có 2 cặp cạnh đối vừa song song vừa bằng nhau: $AB=CD$, $AB//CD$, $BC=AD$, $BC//AD$ 2 cặp góc đối bằng nhau: góc A = góc C, góc B = góc D 2 đường chéo cắt nhau tại trung điểm mỗi đường	
Bài 5 (1 điểm)	Số chiếc điện thoại bán được trong năm đó của cửa hàng là: $1460 + 4.256 = 2484$ (chiếc) Trung bình mỗi tháng trong năm đó bán được số chiếc điện thoại là: $2484 : 12 = 207$ (chiếc)	

----- HẾT -----

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
28.	A	31.	A	33.	B	34.	C
29.	B	32.	B	34.	A	35.	C
30.	D	33.	B	35.	B	36.	B

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (2 điểm)	a) $39.2023 + 86.2023 - 2023.25$ $= 2023(39 + 86 - 25) = 2023.100 = 202300$	0,5*2
	b) $5^3 - 8^8: 8^6 + 9. 3^2 = 125 - 8^2 + 9.9$ $= 125 - 84 + 81$ $= 41 + 81 = 122$	0,25*4
Bài 2 (2 điểm)		
a)	$2015 - x = 1000$ $x = 2015 - 1000$ $x = 1015$	0,25*2
b)	$3(x - 1) - 2^3.3 = 3.2025^0$ $3(x - 1) - 8.3 = 3.1$ $3(x - 1) - 24 = 3$ $3(x - 1) = 3 + 24$ $3(x - 1) = 27$ $x - 1 = 27 : 3$ $x = 10$	0,25*6
Bài 3 (2 điểm)		
a)	$x = 0; 2; 4; 6; 8$ số cần tìm là : 320; 322 ; 324; 326 ; 328	0,5*2
Bài 4 (1 điểm)		
	$A = 3 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{40}$ chia hết cho 13. $A = 3 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{40}$ $A = (3 + 3^2 + 3^3 + \dots + (3^{38} + 3^{39} + 3^{40}))$ $A = 3(1 + 3 + 9) + \dots + 3^{38}(1 + 3 + 9)$ $A = 3.13 + \dots + 3^{38}.13$ $A = 13(3 + 3^4 + \dots + 3^{38})$ chia hết cho 13	0,25*4

	Vậy A chia hết cho 13	
--	-----------------------	--

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS HIỆP PHÚ

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN TOÁN 6
Năm học: 2024 - 2025

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
31.	A	34.	B	36.	D	37.	B
32.	B	35.	D	37.	C	38.	D
33.	C	36.	C	38.	D	39.	B

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (1.5 điểm)	a/ $3^3 - 5^3 : 5^2 + 12 \cdot 2^2$ $= 3^3 - 5^1 + 12 \cdot 4 = 27 - 5 + 48 = 70$	0,25 x 2
	b/ $140 : \{80 - [130 - (12 - 4)^2]\}$ $= 140 : \{80 - [130 - 8^2]\}$ $= 140 : \{80 - [130 - 64]\}$ $= 140 : \{80 - 66\}$ $= 140 : 14 = 10$	0,25 x 2
	c/ $38.25 + 38.85 - 38.10$ $= 38. (25 + 85 - 10) = 38. 100 = 3800$	0,25 x 2
Bài 2 (1,5 điểm)	a/ $x - 18 = 24x = 24 + 18x = 42$	0,25 x 2
	b/ $2x - 25 = 3^2 2x = 9 + 252x = 34x = 34 : 2x = 17$	0,25 x 2
	c/ $(11 + 2^x) : 3 = 911 + 2^x = 9.311 + 2^x = 272^x = 27 - 112^x = 16$ $2^x = 2^4 x = 4$	0,25 x 2
Bài 3 (2 điểm)	Vì số học sinh khi xếp thành 12 hàng, 28 hàng, 30 hàng đều vừa đủ	0,25
	nên số học sinh là bội chung của 12, 28 và 30.	0,25
	BCNN (12, 18, 30) = 420	0,25
	BC (12, 18, 30) = B (420) $\hookrightarrow [0; 420; 840; 1260; 1680; 2100; 2520; \dots]$	0,25
Bài 4 (2.0 điểm)	Vì số học sinh của trường trong khoảng từ 1700 đến 2400 em nên số học sinh của trường là 2100 học sinh.	0,25
	a/ Chu vi của khoảng sân là $2.(12+7) = 38(m)$ b/ Diện tích phần còn lại để lát gạch là	0,25

	$12.7 - 3.6 = 66 \text{ (m}^2\text{)}$ Diện tích 1 viên gạch là: $50.50 = 2500 \text{ (cm}^2\text{)} = 0,25 \text{ (m}^2\text{)}$ Số tiền cần mua gạch lát là $(66 : 0,25).55\,000 = 14\,520\,000 \text{ (đồng)}$	0,25 0,25
--	---	--------------

----- HẾT -----

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Mỗi câu đúng được **0,25 điểm** x 12 = **3,0 điểm**

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	D	C	B	C	D	C	D

II. PHẦN TỰ LUẬN (8 điểm)

Câu		Nội dung	
Bài 1	a	$30.75 + 25.30 - 150$ $= 30.(75+25)-150$ $= 30.100-150=3000-150=2850$	
	b	$160 - (4.5^2 - 3.2^3)$ $= 160 - (4.25 - 3.8)$ $= 160 - (100 - 24) = 160 - 76 = 84$	
Bài 2	a	$85 - x = 45$ $x = 85 - 45$ $x = 40$	
	b	$3^x = 27$ $3^x = 3^3$ $x = 3$	
Bài 3		Chu vi hình chữ nhật là: $2.(17+13)=60$ (m) Suy ra chu vi hình vuông bằng 60 (m) Cạnh hình vuông là: $60:4= 15$ (m)	
Bài 4		Gọi x là số tổ nhiều nhất mà bạn lớp trưởng có thể chia được Mà $28 : x$ và $24 : x$ Nên x là UCLN(28; 24) Ta có $28 = 2^2.7$ và $24 = 2^3.3$ Do đó $x = 4$ Vậy số tổ nhiều nhất mà bạn lớp trưởng có thể chia được là 4 tổ	
Bài 5		$A = 2 + 2^2 + 2^3 + \dots + 2^{19} + 2^{20}$ $A = (2 + 2^2) + (2^3 + 2^4) + \dots + (2^{19} + 2^{20})$ $A = 2.3 + 2^3.3 + \dots + 2^{19}.3$ $A = 3. (2 + 2^3 + \dots + 2^{19})$ Vậy $A : 3$	

--- HẾT ---

I. TRẮC NGHIỆM: (2,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
34.	D	3.	C	5.	B	7.	D
2.	B	4.	C	6.	D	8.	D

II. TỰ LUẬN: (8,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (2,5 điểm)	a) $24 + 9^2 : 3 - 2$ $= 24 + 81 : 3 - 2$ $= 24 + 27 - 2$ $= 51 - 2$ $= 49$	0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm
	b) $60 : [45 - 6 \cdot (2024^0 + 7^8 : 7^7 - 3)]$ $= 60 : [45 - 6 \cdot (1 + 7 - 3)]$ $= 60 : [45 - 6 \cdot 5]$ $= 60 : [45 - 30]$ $= 4$	0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm
	c) $34^2 + 34 \cdot 65 + 34$ $= 34 \cdot (34 + 65 + 1)$ $= 34 \cdot 100$ $= 3400$	0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm
Bài 2 (1,5 điểm)	a) $6^2 - x = 16 : 2^2$ $36 - x = 16 : 4$ $36 - x = 4$ $x = 36 - 4$ $x = 32$	0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm
	b) $4x + 23 = 27$ $4x = 27 - 23$	

	$4x = 4$ $x = 4 : 4$ $x = 1$	0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm
Bài 3 (1,0 điểm)	a) Giá tiền 2 chai nước là: $12\ 000 \cdot 2 = 24\ 000$ (đồng) Giá 1 hộp màu sáp là: $(30\ 000 - 24\ 000) : 4 = 1\ 500$ (đồng)	0,5 điểm 0,5 điểm
Bài 4 (1,5 điểm)	Độ dài lớn nhất của mỗi tấm vải ngắn được cắt ra là Ước chung lớn nhất của 36 và 45. $UCLN(36, 45) = 9$ (m) Vậy độ dài lớn nhất của mỗi tấm vải ngắn cắt được là 9m Số tấm vải được cắt là: $36 : 9 + 45 : 9 = 9$ (tấm)	0,5 điểm 0,5 điểm 0,5 điểm
Bài 5 (1,5 điểm)	Tên các cạnh: MN, NP, PQ, QR, RS, SM • Ba đường chéo chính: MQ, NR, SP • Vẽ hình đúng.	0,5 điểm 0,5 điểm 0,5 điểm

----- HẾT -----

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
35.	A	37.	A	39.	C	40.	A
36.	C	38.	D	40.	A	41.	B
37.	B	39.	A	41.	D	42.	C

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (2,0 điểm)	a) $6^2 : 9 + 5^2 \cdot 2 - 3^0 \cdot 3 = 36 : 9 + 25 \cdot 2 - 1 \cdot 3 = 4 + 50 - 3 = 51$	0,25x4
	b) $200 : [110 - (10 \cdot 3^2 - 2^4 \cdot 5)] = 200 : [110 - (10 \cdot 9 - 16 \cdot 5)]$ $= 200 : [110 - (90 - 80)] = 200 : [110 - 10] = 200 : 100 = 2$	0,25x2 0,25x2
Bài 2 (2,0 điểm)	a) $5 \cdot (x + 9) = 65 \Rightarrow x + 9 = 65 : 5 \Rightarrow x + 9 = 13 \Rightarrow x = 13 - 9 \Rightarrow x = 4$	0,25x4
	b) $105 + (3x - 7) = 320 \Rightarrow 3x - 7 = 320 - 105 \Rightarrow 3x - 7 = 215 \Rightarrow 3x = 215 + 7 \Rightarrow \dots \Rightarrow x = 74$	0,25x4
Bài 3 (1,0 điểm)	Số phần được chia phải là ước chung của 36, 24 và 18	
	Số phần được chia phải là nhiều nhất.	0,25
	Vì vậy số phần nhất có thể chia là ƯCLN (36, 24, 18).	0,25
	$36 = 2^2 \cdot 3^2$; $24 = 2^3 \cdot 3$; $18 = 2 \cdot 3^2$	
	ƯCLN(36, 24, 18) = $2 \cdot 3 = 6$	0,25
	Vậy có thể chia thành nhiều nhất 6 phần.	
	Mỗi phần gồm $36 : 6 = 6$ quyển vở; $24 : 6 = 4$ bút bi; $18 : 6 = 3$ bút chì	0,25
Bài 4 (1,0 điểm)	a) $AD = EF = 42m$ Diện tích mảnh ruộng là: $S_{ABCD} + S_{ADEF} = \frac{(30 + 42) \cdot 22}{2} + 42 \cdot 28 = 792 + 1176 = 1968(m^2)$	0,5
	b) Số kg thóc mảnh ruộng thu được là: $1968 \cdot 2 = 3936 (kg)$	0,5
Bài 5 (1,0 điểm)	Diện tích trồng hoa là: $5 \cdot 10 = 50 (m^2)$	0,25
	Diện tích mảnh vườn hình chữ nhật là: $10 \cdot 15 = 150 (m^2)$	0,25
	Tổng diện tích của phần vườn trái cây và tiểu cảnh là: $150 - 50 = 100 (m^2)$	0,5

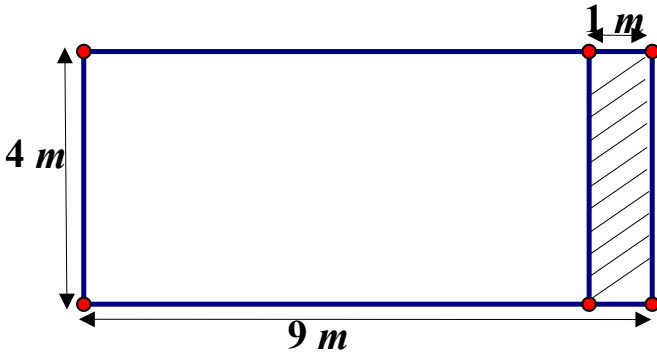
----- HẾT -----

I. TRẮC NGHIỆM: (2,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
38.	C	40.	D	42.	C	43.	
39.	D	41.	C	43.	A	44.	
40.	A	42.	C	44.		45.	

II. TỰ LUẬN: (8,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (4 điểm)	$123 + 454 + 77 + 146 + 75$ $= (123+77)+(454+146)+75$ $= 200 + 600 + 75$ $= 800 + 75$ a) $= 875$	1.0
	$4.3^2 - 75:5^2$ $= 4.9 - 75:25$ b) $= 33$	1.0
	$2.6.75 + 3.17.4 + 12.8$ $= 12.(75 + 17 + 8)$ c) $= 1200$	1.0
	$300:\left[180 - \left[34 + (15 - 3)^2\right]\right]$ $= 300 : \{180 - 178\}$ d) $= 150$	1.0
Bài 2 (2 điểm)	$x + 124 = 136$ $x = 136 - 124$ a) $x = 12$	1.0
	$2x - 14 = 5.2^3$ $2x = 40 + 14$ b) $x = 27$	1.0

Bài 3 (2 điểm)		
	a) Diện tích phần trồng hoa là: $1 \cdot 4 = 4 \text{ m}^2$ b) Chiều rộng phần sân lát gạch là: $9 - 1 = 8 \text{ (m)}$ Diện tích phần lát gạch là: $4 \cdot 8 = 32 \text{ m}^2$ Diện tích một viên gạch là: $0,2 \cdot 0,2 = 0,04 \text{ m}^2$ Cần số viên gạch là: $32 : 0,04 = 800$ (viên gạch)	1.0 1.0

----- HẾT -----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS NGÔ CHÍ QUỐC

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ THAM KHẢO GIỮA HỌC KÌ I
MÔN TOÁN 6
Năm học: 2024 – 2025

A. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
41.	B	43.	A	45.	C	46.	B
42.	A	44.	A	46.	D	47.	C
43.	C	45.	D	47.	A	48.	A

B. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (1,5 điểm)	a) $5^2 + 3.6 - 20 : 4$ $= 25 + 3.6 - 20 : 4$ $= 25 + 18 - 5$ $= 43 - 5$ $= 38$	0,25 0,25 0,25
	b) $16.46 + 16.47 - 16.3$ $= 16.(46 + 57 - 3)$ $= 16.100$ $= 1600$	0,25 0,25 0,25
Bài 2 (1,5 điểm)		
	a) $5x - 3 = 32$ $5x = 32 + 3$ $5x = 35$ $x = 7$	0,25 0,25 0,25
	b) $6.(x + 2) = 2^3.9$ $6.(x + 2) = 8.9$ $6.(x + 2) = 72$ $x + 2 = 72 : 6$ $x + 2 = 12$ $x = 10$	0,25 0,25 0,25
Bài 3 (1,5 điểm)		

	Số tiền bạn Long phải trả là $5.5500 + 2.4300 + 2.2500 + 1.45000 = 86100$ (đồng)	0,25*4 0,5
Bài 4 (2,0 điểm)	a) Chu vi mảnh vườn là: $P = (25 + 8).2 = 66m$ Diện tích mảnh vườn là: $S = 25.8 = 200m^2$	0,5 0,5
	b) Diện tích hồ cá cảnh là: $S = \frac{4.5}{2} = 10m^2$	0,5
	c) Diện tích phần đất còn lại là $S = S_{mảnh vườn} - S_{hồ cá} = 200 - 10 = 190m^2$ Chi phí trồng cỏ là: $190.45000 = 8550000$ (đồng)	0,5
Bài 5 (0,5 điểm)	Vì $\overline{a53b} : 5$ nên $b \in \{0; 5\}$ + Với $b = 0$, do số $\overline{a53b} : 9$ nên $a + 5 + 3 + 0 : 9 \Rightarrow a = 1$ + Với $b = 5$, do số $\overline{a53b} : 9$ nên $a + 5 + 3 + 5 : 9 \Rightarrow a = 5$ Vậy số nhà bạn An là 5535, số nhà bạn Bình là 1530	0,25 0,25

----- HẾT -----

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1. (1,0đ)	a) Các số tự nhiên nhỏ hơn 4 là 0; 1; 2; 3	0,5
	b) $A = [6]$	0,5
Bài 2. (1,5đ)	a) $25.62 + 25.38 - 500 \text{ ; } 25.(62+38) - 500 \text{ ; } 25.100 - 500 \text{ ; } 2500 - 500$ $\text{ ; } 2000$	0,25x2
	b) $150 - 5^3 : 5^2 + 2024^0 \text{ ; } 150 - 5 + 1 \text{ ; } 146$	0,25x2
	c) $12. \left[10 - \left[72 : (5^2 - 4^2) \right] \right]$ $\text{ ; } 12. \left[10 - \left[72 : (25 - 16) \right] \right] \text{ ; } 12. \left[10 - \left[72 : 9 \right] \right] \text{ ; } 12. (10 - 8) \text{ ; } 12.2 \text{ ; } 24$	0,25x2
Bài 3. (3,0đ)	a) $4x - 6 = 18$ $4x = 18 + 6 \text{ ; } 4x = 24 \text{ ; } x = 24 : 4 \text{ ; } x = 6$	0,25x4
	b) $5^{x+1} = 125 \text{ ; } 5^{x+1} = 5^3 \text{ ; } x+1 = 3 \text{ ; } x = 3 - 1 \text{ ; } x = 2$	0,25x4
	c) $7 - 3x = 2^3 - 2^2 \text{ ; } 7 - 3x = 8 - 4 \text{ ; } 7 - 3x = 4 \text{ ; } 3x = 7 - 4 \text{ ; } 3x = 3 \text{ ; } x = 3 : 3$ $x = 1$	0,25x4
Bài 4. (1,0đ)	Trong các số 2587; 76932; 145; 2980 a) Số 76932 chia hết cho 2 mà không chia hết cho 5. b) Số 145 chia hết cho 5 mà không chia hết cho 2. c) Số 2980 chia hết cho cả 2 và 5.	0,25 0,25 0,5

Bài 5. (2,5đ)	a) Xét hình thoi ABCD có : Đỉnh: A; B; C; D Cạnh: AB; BC; CD; AD Đường chéo: AC; BD	0,25 0,25 0,5
	b) Diện tích mảnh vườn hình chữ nhật là: $36.27=972(m^2)$ Diện tích cái ao hình thoi là: $9.18:2=81(m^2)$ Diện tích còn lại của vườn sau khi đào ao là: $972-81=891(m^2)$	0,5x3
Bài 6. (1,0 đ)	Để đánh số trang của một cuốn sách 10000 trang ta cần dùng tất cả bao nhiêu chữ số? Số số có 1 chữ số trong 10000 trang là: $(9-1):1+1=9(số)$ Số số có 2 chữ số trong 10000 trang là: $(99-10):1+1=90(số)$ Số số có 3 chữ số trong 10000 trang là: $(999-100):1+1=900(số)$ Số số có 4 chữ số trong 10000 trang là: $(9999-1000):1+1=9000(số)$ Số chữ số cần dùng để đánh số trang của một cuốn sách 10000 trang là: $9.1+90.2+900.3+9000.4+1.5=38894(số)$	0,25x4

--- HẾT ---

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS TAM BÌNH

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN TOÁN 6
Năm học: 2024-2025

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
44.	B	46.	A	48.	B	49.	A
45.	D	47.	A	49.	C	50.	A
46.	C	48.	C	50.	D	51.	D

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
-----	-----------------	------------

Bài 1 (1,0 điểm)	a) $B = \{0; 1; 2; 3; 4; 5\}$	0,25x2
	b) Điền đúng $\in; \notin$	0,25x2
Bài 2 (1,5 điểm)	$125 + 45 - 25$ $= (125 - 25) + 45$ $= 100 + 45$ a) =145	0,25x3
	b) $50 - [(20 - 2^3) : 2 + 34]$ $= 50 - [(20 - 8) : 2 + 34]$ $= 50 - [12 : 2 + 34]$ $= 50 - (6 + 34)$ $= 50 - 40$ $= 10$	0,25x3
	Bài 3 (0,5 điểm)	
	a) $x - 12 = 5$ $x - 12 = 5$ $x = 17$	0,25x3
	b) $(x + 4) = 2^6$ $(x + 4) = 2^6 : 2^3$ $x + 4 = 8$ $x = 4$	0,25x3
Bài 4 (0,5 điểm)	Số tiền Anh Sơn phải trả khi mua 2 áo phông, 5 quần sọc, 3 khăn mặt là: $125000.2 + 95000.3 + 17000.5 = 65000$ đồng	
Bài 5 (1,0 điểm)	+ Gọi x là số nhóm được chia nhiều nhất ($x \in \mathbb{N}^*$) + Lập luận được: $x = \text{ƯCLN}(24, 18)$ + Tính được: $\text{ƯCLN}(24; 18) = 6$ + Kết luận	0,25x4
Bài 6. (1,0 điểm)	Mô tả đúng về cạnh, góc, đường chéo	0,25x4
Bài 7. (0,5 đ)	Giải thích đúng	0,25x2

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS TRƯỜNG THỌ

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ THAM KHẢO GIỮA KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 6
Năm học: 2024-2025

A. TRẮC NGHIỆM (3 đ) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
B	D	B	A	D	C	A	B	D	A	A	B

B. TỰ LUẬN: (7 đ)

Bài	Nội dung	Điểm
Bài 1 (2 đ)	$a) 45.24 + 45.76$ $= 45.(24 + 76)$ $= 45.100$ $= 4500$	0,5 0,25 0,25
	$b) 90 : \left\{ 60 - \left[30 : (6 - 2^2) \right] \right\}$ $= 90 : \left\{ 60 - \left[30 : (6 - 4) \right] \right\}$ $= 90 : \left\{ 60 - \left[30 : 2 \right] \right\}$ $= 90 : \left\{ 60 - 15 \right\}$ $= 90 : 45 = 2$	0,25 0,25 0,25 0,25
Bài 2 (1 đ)	$3(x - 16) = 2^3.3 - 6$ $3(x - 16) = 18$ $x - 16 = 18 : 3$ $x - 16 = 6$ $x = 16 + 6 = 22$	0,25 0,25 0,25 0,25
Bài 3 (1 đ)	Số tiền cô Hạnh mua 30 quyển vở và 20 bút bi là $30.7\,500 + 20.2\,500 = 275\,000$ (đồng) Số tiền 1 chiếc bút chì là $(371\,000 - 275\,000) : 12 = 8\,000$ (đồng)	1,0
Bài 4 (2 đ)	a) Diện bề bơi là: $6 \cdot 20 = 180 \text{ m}^2$ b) Diện tích phần còn lại của sân trường là $30^2 - 180 = 720 \text{ m}^2$	1,0 1,0
Bài 5 (1 đ)	a không phải là số nguyên tố cũng không phải hợp số và $a \neq 0$ $\Rightarrow a = 1$	0,25
	b là hợp số lớn nhất có một chữ số $\Rightarrow b = 9$	0,25
	$\overline{abcd}$ chia hết cho 2; 3; 5 $\Rightarrow d = 0$	0,25
	$\overline{abcd}$ chia hết 3 và $c < 5 \Rightarrow c = 2$ Vậy năm sinh của bà là 1920	0,25

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM: mỗi câu đúng 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	B	D	A	B	D	A	C	B	C	A	B

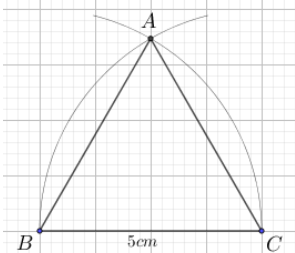
PHẦN II. TỰ LUẬN:

Bài	Đáp án	Điểm
1 (1,5 đ)	a) 29: XXIX 14: XIV b) $K = \{6; 7; 8; 9; 10; 11\}$ c) $x - 24 = 36$ $x = 36 + 24$ $x = 60$	0,25x2 0,25x2 0,25x2
2 (1,5 đ)	a) $37. 15 + 37. 95 - 37. 10$ $= 37. (15 + 95 - 10)$ $= 37. 100$ $= 3700$ b) $1220^0 + 50^{15} : 50^{14} - 5. 2^2$ $= 1 + 50 - 5. 4$ $= 51 - 20$ $= 31$	0,25x 3 0,25x2 0,25
3 (0,75đ)	Tổng số tiền bạn Bình phải trả khi mua các món đồ trên là : $13. 9000 + 4. 5000 + 23000 = 160000$ (đồng)	0,25x3
4 (1,0đ)	Vẽ hình đúng Nêu đúng các yếu tố đỉnh, cạnh, góc	0,5 0,5
5 (0,75đ)	Vì 72 học sinh nam và 56 học sinh nữ được chia đều vào các nhóm sao cho số học sinh nam, nữ ở các nhóm là đều nhau và số nhóm là nhiều nhất, nên số nhóm là ước chung lớn nhất của 72 và 56 Ta có: $72 = 2^3. 3^2$ $56 = 2^3. 7$ $ƯCLN(24,18) = 2^3 = 8$ Vậy có thể chia được nhiều nhất 8 nhóm	0,25 0,25 0,25

6 (1,5đ)	a) Chiều dài miếng đất hình chữ nhật là :	
	$6 + 4 = 10\text{m}$	0,5
	Diện tích miếng đất là :	
	$10 \cdot 6 = 60 (m^2)$	0,5
	b) Số tiền bác Ba cần chi:	
	$60 \cdot 180\,000 = 10\,800\,000$ (đồng)	0,25x2

-----HẾT-----

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (2,0 điểm)	a) $A = \{1; 2; 3; 4\}$.	0,5 đ
	b) $B = \{1; 2; 3; 4; 5; 6; 7\}$.	0,5 đ
	c) $U(12) = \{1; 2; 3; 4; 6; 12\}$.	0,5 đ
	d) $\{5; 10; 15; 20; 25\}$.	0,5 đ
Bài 2 (2,5 điểm)	a) $125 + 781 + 375 + 219$ $= (125 + 375) + (781 + 219)$ $= 500 + 1000$ $= 1500$	0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ
	b) $35.19 + 35.81$ $= 35.(19 + 81)$ $= 35.100$ $= 3500$	0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ
	c) $450 - 270 : 9 + 5^3 = 450 - 30 + 125 = 545$.	
	d) $135 : \left[\left((13.10 - 124)^2 - 15^{25} : 15^{24} \right) + 3000 : 125 \right]$ $= 135 : \left[\left(6^2 - 15 \right) + 24 \right]$ $= 135 : 45 = 3$	0,25 + 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ
	a) $x + 120 = 375$ $x = 375 - 120$ $x = 255$	0,5 đ 0,25 đ
	b) $320 - 15.x = 200$ $15.x = 320 - 200$ $15.x = 120$ $x = 120 : 15 = 8$ c) $x = BCNN(10, 12, 25), x = 300$	0,25 đ 0,25 đ 0,25 + 0,25 đ
Bài 3 (1,75 điểm)		
Bài 4 (0,75 điểm)	Số tiền mà bạn An tiết kiệm được sau hai tuần là: $5000.2.7 = 70\,000 (\text{đ})$	0,5 đ

	Giá cuốn truyện bạn An mua là: $70000 - 8000 = 62000 (\text{đ})$	0,25 đ
Bài 5 (1,5 điểm)	a) Bốn cạnh bằng nhau: $AB = BC = CD = DA$; Hai cặp cạnh đối AB và CD, AD và BC song song với nhau; Bốn góc tại các đỉnh A, B, C, D bằng nhau và đều là góc vuông; Hai đường chéo bằng nhau: $AC = BD$. b) 	0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,5 đ
Bài 6 (1,0 điểm)	Độ dài cạnh AD là: $AD = 1260 : 21 = 60 (m)$ Diện tích hình thang $ABCD$ là: $S = \frac{(35 + 60) \cdot 18}{2} = 855 (m^2)$ Diện tích mảnh vườn là : $1260 + 855 = 1968 (m^2)$.	0,25 đ 0,5 đ 0,25 đ
Câu 7 (0,5 điểm)	$n = U_{CLN}(3420, 2520, 900) = 180$.	0,25 + 0,25 đ

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG TH, THCS & THPT
QUỐC TẾ Á CHÂU

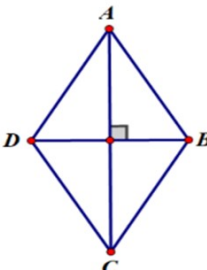
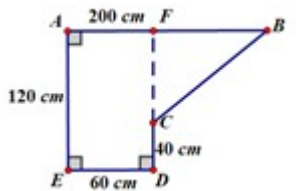
HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN TOÁN 6
Năm học: 2024-2025

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
47.	A	49.	D	51.	B	52.	D
48.	B	50.	D	52.	B	53.	B
49.	A	51.	A	53.	A	54.	C

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (1,5 điểm)	a) $5 \notin C; k \in C$	0,25 x2
	a) $U(56) = \{1; 2; 4; 7; 8; 14; 28; 56\}$ Vậy $A = \{14; 28; 56\}$	0,25 x2
Bài 2 (2,0 điểm)	a) $2025 - 15 : 3$ $= 2025 - 5$ $= 2020$	0,5
	b) $35.65 + 36.35 - 35$ $= 35.(65 + 36 - 1)$ $= 35.100$ $= 3500$	0,25 x3
	b) $306 - 4. \left[(3 + 2.5^2 - 2023^0) : 13 \right]$ $= 306 - 4. \left[(3 + 2.25 - 1) : 13 \right]$ $= 306 - 4. \left[(3 + 50 - 1) : 13 \right]$ $= 306 - 4.(52 : 13)$ $= 306 - 4.4$ $= 306 - 16$ $= 290$	0,25 x3
Bài 3 (1,0 điểm)	$\left\{ 900 : \left[3(x + 7) \right] \right\} - 13 = 17$ $900 : \left[3(x + 7) \right] = 17 + 13$ $900 : \left[3(x + 7) \right] = 30$	0,25 x4

	$3(x + 7) = 900 : 30$ $3(x + 7) = 30$ $x + 7 = 30 : 3$ $x + 7 = 10$ $x = 10 - 7$ $x = 3$	
	 - Các cạnh bằng nhau $AB = BC = CD = DA$ - Đường chéo AC vuông góc với BD.	0,25 x2
Bài 4 (1,5 điểm)	 Diện tích của hình AFDE: $120 \times 60 = 7200 \text{ cm}^2$ Cạnh FB: $200 - 60 = 140 \text{ cm}$ Cạnh FC: $120 - 40 = 80 \text{ cm}$ Diện tích FCB: $140 \times 80 : 2 = 5600 \text{ cm}^2$ Diện tích của hình cần tìm là: $5600 + 7200 = 12800 \text{ cm}^2$	0,25 x4
Bài 5 (1,0 điểm)	Số tiền 5 quyển vở: $15\,000 \cdot 5 = 75\,000$ đồng Số tiền 3 cây bút bi: $12\,000 \cdot 3 = 36\,000$ đồng Tổng số tiền vở, bút bi và thước: $75\,000 + 36\,000 + 36\,000 = 147\,000$ đồng Giá tiền quyển truyện: $200\,000 - 147\,000 = 53\,000$ đồng	0,25 x4

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
50.	B	52.	C	54.	A	55.	A
51.	D	53.	D	55.	C	56.	C
52.	C	54.	A	56.	B	57.	D

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (1,0 điểm)	Cách 1: Liệt kê phần tử $M = \{7; 8; 9; 10; 11; 12; 13; 14\}$	0,5
	Cách 2: Chỉ ra tính chất đặc trưng của phần tử $M = \{x \in \mathbb{N} 6 < x < 15\}$	0,5
Bài 2 (1,5 điểm)	a) $247 - 145 + 24 - 56 = 70$	0,5
	$125.27 - 27.25 + 120$ $= 27.(125 - 25) + 120$ $= 2700 + 120$ b) $= 2820$	0,5
	$2019 + (3 - 1)^2 + 2025^0$ $= 2019 + 2^2 + 1$ $= 2019 + 4 + 1$ c) $= 2024$	0,5
Bài 3 (1,5 điểm)	$x - 10 = 30$ a) $x = 40$	0,5
	$x : 2 + 12 = 42$ $x : 2 = 30$ b) $x = 60$	0,5
	$2.x - 2 = 4^6 : 4^4$ $2.x - 2 = 4^2$ $2.x = 18$ c) $x = 9$	0,5
Bài 4 (1,0 điểm)	Theo đề bài tuổi của ba là bội của tuổi con, ta có: $B(12) = \{0; 12; 24; 36; 48; \dots\}$	0,5
	Vì tuổi của ba lớn hơn 32 và nhỏ hơn 45 nên tuổi của ba là 36 tuổi. Vậy tuổi của ba là 36 tuổi.	0,5
Bài 5 (1,5 điểm)	a) Chiều dài của mảnh ruộng là: $2.15 = 30(m)$	1,0

	Diện tích của mảnh ruộng là: $15.30 = 450(m^2)$	
	b) Mảnh ruộng cho sản lượng là: $450.0,8 = 360(kg)$	0,5
Bài 6 (0,5 điểm)	Số số hạng của dãy số là: $(155 - 1) : 7 + 1 = 22$ (số hạng) Tổng của dãy số là: $S = (155 + 1).22 : 2 = 1716$	0,5

----- HẾT -----

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com
<https://www.vnteach.com>